

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 11/2024/KDTM-ST

Ngày: 22/5/2024;

V/v “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh .

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Ông Phan Anh Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Phương Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP . Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2023/TLST-KDTM ngày 02 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2024/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 107/2024/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty cổ phần Q.**

Địa chỉ: A B, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy T- chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Bích N, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số D T, phường A, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền số 001/2023/GUQ ngày 24/3/2023)

- Bị đơn: **Công ty cổ phần Đ.**

Trụ sở: Tầng 20, số E, đường V, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Phú K- chức danh: Tổng giám đốc.

(Bà N có mặt; Công ty Đ có đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần Q (sau đây gọi là Công ty Q) và Công ty Cổ phần Đ (sau đây gọi là Công ty Đ) đã ký kết Hợp đồng quản lý vận hành khu căn hộ tòa nhà phức hợp The Pegasus Plaza số 015/2019/HĐQLVH-GH ngày 31/8/2019 (gọi tắt là “Hợp đồng”) và các Phụ lục hợp đồng với giá trị hợp đồng ban đầu là 189.467.800 đồng/tháng (chưa bao gồm phí VAT) và sau khi ký phụ lục hợp đồng thì phí dịch vụ là: 185.314.580 đồng/tháng (bao gồm VAT) tính từ ngày 01/02/2021.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Q đã thực hiện đúng nghĩa vụ hoàn thành trách nhiệm quản lý vận hành khu căn hộ của tòa nhà phức hợp The Pegasus P. Tuy nhiên đến nay, khi hai bên đã chấm dứt Hợp đồng từ tháng 6/2022, Công ty Đ vẫn chưa thanh toán hết công nợ cho Công ty Q, cụ thể: Một phần phí dịch vụ tháng 4/2022 là 65.314.580 đồng và phí dịch vụ tháng 5/2022 là 185.314.580 đồng. Tổng cộng Công ty Đ còn nợ Công ty Q là 250.629.160 đồng. Ngày 07/01/2023, Công ty Đ đã ký đối chiếu công nợ xác nhận còn nhận còn nợ số tiền 250.629.160 đồng. Ngày 19/01/2023, Công ty Đ đã thanh toán được số tiền 40.000.000 đồng còn lại 210.629.160 đồng. Sau đó Công ty Đ không trả thêm được khoản nào nữa dù bên Công ty Q đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu. Quá trình khởi kiện tại Tòa án, Công ty T1 thêm được số tiền 90.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 03/10/2023 thanh toán 50.000.000 đồng, ngày 22/11/2023 thanh toán được 20.000.000 đồng, ngày 04/12/2023 thanh toán 10.000.000 đồng và ngày 03/01/2024 thanh toán được 10.000.000 đồng. Sau khi trừ số tiền 6.256.960 đồng (phí thu hộ năm 2022) thì số tiền nợ gốc theo Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng Công ty Đ còn nợ là: 114.372.200 đồng (Một trăm mười bốn triệu, ba trăm bảy mươi hai ngàn, hai trăm đồng).

Nay Công ty Q khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề sau:

1. Buộc Công ty Đ phải thanh toán cho Công ty Q số tiền nợ gốc là: 114.372.200 đồng (Một trăm mười bốn triệu, ba trăm bảy mươi hai ngàn, hai trăm đồng).

2. Buộc Công ty T1 số tiền lãi do chậm thanh toán tổng cộng: 19.114.819 đồng, cụ thể:

- Tiền lãi từ ngày 01/6/2022 đến ngày 31/10/2022 là: 250.629.160 đồng x 5 tháng x 0,46%/tháng = 5.764.470 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 01/11/2022 đến ngày 30/11/2022 là: 250.629.160 đồng x 0,52%/tháng x 1 tháng = 1.303.271 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 01/12/2022 đến 31/3/2023 là: 210.629.160 đồng x 0,5%/tháng x 4 tháng = 4.212.583 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 01/4/2023 đến 22/5/2024 là: 114.372.200 đồng x 0,5%/tháng x 13 tháng 21 ngày = 7.834.495 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi là: 114.372.200 đồng + 19.114.819 đồng = 133.487.019 đồng.

Phía bị đơn Công ty Đ: Quá trình làm việc Công ty có cử ông Trần Đình K1 - Phó tổng giám đốc đến Tòa án làm việc để đưa ra phương án giải quyết nhưng không có văn bản trình bày nên không có sở giải quyết. Quá trình công khai chứng cứ và hòa giải Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng Công ty không đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như phiên tòa xét xử nên không có lời trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Q, buộc Công ty cổ phần T1 tổng số tiền 133.487.019 đồng. Công ty cổ phần Đ phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 20/5/2024, Tòa án nhận được Giấy ủy quyền ngày 03/4/2024 của Công ty Đ ủy quyền cho ông Trần Đình K1 với nội dung tham dự phiên tòa xét xử và đơn xin xét xử vắng mặt của ông Huỳnh Phú K – người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có mặt. Căn cứ Điều 207, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Công ty cổ phần Đ có trụ sở tại thành phố B nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[3] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Công ty Đ không có bản khai và tài liệu chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án nhưng căn cứ vào Hợp đồng quản lý vận hành khu căn hộ tòa nhà phức hợp The Pegasus Plaza số 015/2019/HĐQLVH-GH ngày 31/8/2019 (gọi tắt là “Hợp đồng”) và các Phụ lục hợp đồng, Biên bản đối chiếu công nợ ngày 07/01/2023 thì Công ty Đ còn nợ Công ty Q số tiền gốc 250.629.160 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Đ đã được tiếp cận các tài liệu chứng cứ mà Công ty Q cung cấp cho Tòa án nhưng Toàn Thịnh P1 xin giành thời gian để thương lượng nhưng sau đó Tòa án tiếp tục mời lên hòa giải thì Công ty Đ không hợp tác do vậy nên xem như Tòa Thịnh Phát đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và mặc nhiên thừa nhận nợ.

[4] Về lãi suất: Công ty Q yêu cầu Công ty T1 số tiền lãi do chậm thanh toán (tạm tính từ ngày 01/6/2022 đến ngày 22/5/2024): 19.114.819 đồng. Cụ thể:

- Tiền lãi từ ngày 01/6/2022 đến ngày 31/10/2022 là: 250.629.160 đồng x 5 tháng x 0,46%/tháng = 5.764. 470 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 01/11/2022 đến ngày 30/11/2022 là: 250.629.160 đồng x 0,52%/tháng x 1 tháng) = 1.303.271 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 01/12/2022 đến 31/3/2023 là: 210.629.160 đồng x 0,5 %/tháng x 4 tháng = 4.212.583 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 01/4/2023 đến 22/5/2024 là: 114.372.200 đồng x 0,5%/tháng x 13 tháng 21 ngày = 7.834.495 đồng.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ Toà án thu thập được thì mức lãi suất mà Công ty Q yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu về lãi suất trên của Công ty Q.

Từ sự nhận định trên, căn cứ theo qui định tại các Điều 513, 514 515, 516. 517, 518, 519 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 85, 87 và Điều 306 của Luật thương mại và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Q, buộc Công ty Đ phải thanh toán tiền dịch vụ còn thiếu cho Công ty Q số tiền nợ gốc 114.372.200 đồng và tiền lãi 19.114.819 đồng. Tổng cộng 133.487.019 đồng.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Q phải chịu 6.674.390 đồng án phí sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty Q số tiền 5.554.490 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007930 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

[6] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 203, 207, 227, 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 85, 87 và Điều 306 Luật thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Q.

Buộc Công ty cổ phần Đ phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Q tổng số tiền 133.487.019 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn không trăm mười chín đồng). Trong đó: nợ gốc 114.372.200 đồng (Một trăm mười bốn triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm đồng) và tiền lãi 19.114.819 đồng (Mười chín triệu một trăm mười bốn nghìn tám trăm mười chín đồng).

2. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần Đ phải chịu 6.674.390 đồng (Sáu triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi đồng) án phí sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty Q số tiền 5.554.490 đồng (Năm triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm chín mươi đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007930 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân TP Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ - VT
- Đương sự

Nguyễn Thị Quỳnh